

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2023/HNGĐ-ST

Ngày 14 - 06 - 2023

“V/v ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Huỳnh Hường

Ông Duyên Văn Hiền

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 269/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 04 năm 2023 về việc “Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 05 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Dương Tư D, sinh năm 1968

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Trần Thị H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

(có đơn yêu cầu xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/04/2023 và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

- Về hôn nhân: Anh D và chị H tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1998, đến năm 2005 được Tòa án huyện Trần văn Thời cho Ly hôn, năm 2006 vợ chồng chung sống lại và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (theo giấy chứng nhận kết hôn số 103/2014, ngày 05.05.2014). Quá trình chung sống có 3 con chung tên Dương Thị Vân A sinh năm 1999 (đã trưởng thành), Dương Quốc D1, sinh ngày 14/10/2006 và Dương Thị Yến L sinh ngày 22.05.2015, (con chung hiện anh D đang nuôi dạy).

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, xét thấy không hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn với Trần Thị H.

Về tài chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: cháu Dương Thị Vân A sinh năm 1999 (đã trưởng thành), còn 2 cháu Dương Quốc D1, sinh ngày 14/10/2006 và Dương Thị Yến L sinh ngày 22.05.2015 các cháu có nguyện vọng sống với ai người đó nuôi, nếu các cháu sống với tôi thì tôi nhận nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng, nếu ở với H tôi đồng ý cấp dưỡng mỗi cháu 1 tháng là 1.500.000 đồng.

Bị đơn Trần Thị H trình bày tại văn bản có ý kiến ngày 8.5.2023 như sau:

Tôi và ông D chung sống với nhau vào năm 1997 có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống có 3 con chung Dương Thị Vân A sinh năm 1999 (đã trưởng thành), còn 2 cháu Dương Quốc D1, sinh ngày 14/10/2006 và Dương Thị Yến L sinh ngày 22.05.2015. Do hiện các con còn nhỏ bà H không muốn ly hôn, nếu ông D cương quyết ly hôn thì bà H cũng đồng ý ly hôn, về con chung cháu D1 và L giải quyết thì theo nguyện vọng của các con, người không nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000 đồng; Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận công việc đi làm ăn xa nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con với bị đơn, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là “*Ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án*: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện T, nội dung tranh chấp là việc “*Ly hôn và nuôi con*”, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét về thủ tục của Tòa án*: Đối với nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] *Xét về yêu cầu ly hôn*: Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiền bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau; nhưng anh D và chị H không làm được điều đó mà ngược lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh D đã xác định không còn hạnh phúc với chị H và cương quyết xin ly hôn. Đối với bị đơn không muốn ly hôn tuy nhiên anh D cương quyết xin ly hôn thì bị đơn cũng đồng ý ly hôn. Do đó

xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị H không có thiện chí hàn gắn được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

[5] *Xét về con chung*: Việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy cháu Dương Quốc D1, sinh ngày 14/10/2006 và Dương Thị Yến L sinh ngày 22.05.2015. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của các cháu, các cháu đều có nguyện vọng sống với anh D. Từ ngày anh D và chị H sống ly thân với nhau các cháu được anh D nuôi dạy và anh D cũng yêu cầu được nuôi các cháu. Do đó chấp nhận giao cháu Dương Quốc D1, sinh ngày 14/10/2006 và Dương Thị Yến L sinh ngày 22.05.2015 cho anh D nuôi dạy là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh D không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Việc thăm mon chăm sóc con chung: Chị H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này và chị H phải tôn trọng quyền của cháu D1 và L được sống với anh D là phù hợp với Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] *Xét về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự xác định tài sản chung không có và không có nợ ai, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Xét về án phí*: anh D phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Dương Tư D.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Dương Tư D và chị Trần Thị H.

Về con chung: Giao cho anh D2 Tư Duy có trách nhiệm nuôi cháu Dương Quốc D1, sinh ngày 14/10/2006 và Dương Thị Yến L sinh ngày 22.05.2015 (các cháu D1 và L hiện anh D đang trực tiếp nuôi dạy). Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai ngăn cản chị H thực hiện quyền này và chị H phải tôn trọng quyền của cháu D1 và L được sống với anh D.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh D phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, anh D đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0006545 ngày 11/04/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đổi trừ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- UBND thị trấn Sông Đốc;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Từ Thanh Nhung